

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 06 THÁNG NĂM		SO SÁNH (%)	
		THU	THU NSX	THU	THU NSX	THU	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	4.957.650.000	4.957.650.000	3.479.215.282	3.479.215.282	70,18	70,18
I	Các khoản thu 100%	52.000.000	52.000.000	78.976.611	78.976.611	151,88	151,88
1	Phí, lệ phí	18.000.000	18.000.000	13.801.000	13.801.000	76,67	76,67
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000.000	14.000.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			2.375.000	2.375.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			62.800.000	62.800.000		
8	Thu khác	20.000.000	20.000.000	611	611	0,00	0,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	320.000.000	320.000.000	463.769.814	463.769.814	144,93	144,93
1	Các khoản thu phân chia	72.000.000	72.000.000	9.405.700	9.405.700	13,06	13,06
1.1	Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	15.000.000	15.000.000	155.700	155.700	1,04	1,04
1.2	Thuê sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.000.000	7.000.000	7.900.000	7.900.000	112,86	112,86
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.000.000	50.000.000	1.350.000	1.350.000	2,70	2,70
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	248.000.000	248.000.000	454.364.114	454.364.114	183,21	183,21
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	176.000.000	176.000.000	312.257.396	312.257.396	177,42	177,42
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	72.000.000	72.000.000	142.106.718	142.106.718	197,37	197,37
2.7	Thuế tiêu thu đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu						
IV	Thu chuyên nguồn			526.818.857	526.818.857		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.585.650.000	4.585.650.000	2.409.650.000	2.409.650.000	52,55	52,55
1	Thu bổ sung cân đối	4.536.000.000	4.536.000.000	2.360.000.000	2.360.000.000	52,03	52,03
2	Thu bổ sung có mục tiêu	49.650.000	49.650.000	49.650.000	49.650.000	100,00	100,00

